



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ Quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/7/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 88 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 88.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của ngoại trừ chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 312 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 152 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 160 tỷ VND (2015: 77 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các thuyết minh này.

- Thuyết minh 24(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 364.061 triệu VND (1/1/2016: 369.532 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Các vấn đề nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-148



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2017

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>9.232.272.849.491</b>	<b>9.533.187.544.686</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>1.496.458.060.972</b>	<b>2.472.432.913.255</b>
Tiền	111		432.381.528.676	590.333.971.499
Các khoản tương đương tiền	112		1.064.076.532.296	1.882.098.941.756
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>952.742.245.703</b>	<b>301.120.832.500</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	74.767.938.000	60.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	877.974.307.703	301.060.832.500
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.214.916.530.328</b>	<b>3.282.048.883.299</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.233.797.278.820	2.238.223.471.110
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		438.017.367.291	433.645.958.970
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	178.039.342.156	201.879.168.302
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	736.642.535.818	733.613.795.186
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(372.376.455.800)	(325.943.716.677)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		796.462.043	630.206.408
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>3.206.970.570.062</b>	<b>3.094.832.003.113</b>
Hàng tồn kho	141		3.286.587.250.440	3.135.490.659.764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.616.680.378)	(40.658.656.651)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>361.185.442.426</b>	<b>382.752.912.519</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	22.951.998.731	22.994.230.608
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		303.657.389.304	345.073.774.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	34.533.164.391	14.379.634.977
Tài sản ngắn hạn khác	155		42.890.000	305.272.630

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>10.562.150.445.970</b>	<b>9.270.878.963.091</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>816.148.711.068</b>	<b>585.474.923.940</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		8.779.800.000	6.859.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	926.691.505.864	578.615.923.940
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(119.322.594.796)	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.920.080.043.826</b>	<b>4.726.268.318.378</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.717.940.489.530	4.547.292.417.355
Nguyên giá	222		11.057.270.172.417	9.524.976.809.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.339.329.682.887)	(4.977.684.392.190)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	66.701.591.216	63.085.606.759
Nguyên giá	225		92.266.466.013	77.869.150.876
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(25.564.874.797)	(14.783.544.117)
Tài sản cố định vô hình	227	15	135.437.963.080	115.890.294.264
Nguyên giá	228		163.437.173.507	139.714.166.423
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.999.210.427)	(23.823.872.159)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>101.577.232.243</b>	<b>130.685.476.898</b>
Nguyên giá	231		125.681.566.539	148.958.992.347
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.104.334.296)	(18.273.515.449)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.132.142.569.223</b>	<b>1.326.835.437.886</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.078.912.289.673</b>	<b>1.993.460.437.532</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	243.768.742.829	371.556.535.617
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(15.430.394.173)	(26.782.132.536)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>513.289.599.937</b>	<b>508.154.368.457</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	474.443.631.662	461.209.582.886
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	7.707.701.095	12.818.658.533
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	869.753.783
Lợi thế thương mại	269	20	30.556.908.247	33.256.373.255
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>19.794.423.295.461</b>	<b>18.804.066.507.777</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>12.199.952.761.421</b>	<b>11.456.227.312.864</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.882.415.310.550</b>	<b>6.856.189.696.058</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	1.271.169.240.648	1.203.491.557.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		88.424.737.403	83.310.603.078
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	93.848.959.150	105.700.117.873
Phải trả người lao động	314		486.933.807.748	561.035.504.008
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	175.649.205.078	188.889.816.832
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		818.362.962	6.833.858.515
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	604.454.028.623	684.215.591.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26(a)	4.021.595.561.126	3.884.716.676.655
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	27	-	4.717.381.547
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	139.521.407.812	133.278.587.996
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.317.537.450.871</b>	<b>4.600.037.616.806</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	21	15.920.738.161	21.780.241.292
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		22.844.764.105	23.501.600.000
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	26.562.816.000	28.794.411.822
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	140.636.004.076	85.619.062.376
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	138.799.092.807	55.439.098.840
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26(b)	4.818.025.937.605	4.221.370.382.990
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	64.896.986.719	46.007.444.456
Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	89.675.918.318	117.290.115.751
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		175.193.080	235.259.279

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>29</b>	<b>7.594.470.534.040</b>	<b>7.347.839.194.913</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.559.178.352.429</b>	<b>7.306.410.571.478</b>
Vốn cổ phần	411	30	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(742.835.089.736)	(748.765.581.042)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	457.818.876.459	421.021.002.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.981.645.059	10.944.352.367
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		555.190.797.152	571.099.479.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		230.356.822.217	147.491.675.907
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		324.833.974.935	423.607.804.078
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	33	553.877.792.360	497.352.336.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.651.984.049.504	1.482.598.699.577
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>35.292.181.611</b>	<b>41.428.623.435</b>
Nguồn kinh phí	431		553.206.786	3.004.072.271
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		34.738.974.825	38.424.551.164
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>19.794.423.295.461</b>	<b>18.804.066.507.777</b>

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>35</b>	<b>15.486.320.109.641</b>	<b>15.205.947.291.776</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>35</b>	<b>24.799.294.989</b>	<b>22.100.729.500</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>35</b>	<b>15.461.520.814.652</b>	<b>15.183.846.562.276</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>36</b>	<b>13.757.366.211.159</b>	<b>13.299.234.243.354</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.704.154.603.493</b>	<b>1.884.612.318.922</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	339.153.140.130	442.313.467.907
Chi phí tài chính	22	38	486.708.411.396	688.664.328.894
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		333.839.233.856	354.284.173.973
Phần lãi trong công ty liên kết	24		506.863.393.007	498.259.938.877
Chi phí bán hàng	25	39	492.057.897.689	561.711.536.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	1.023.404.836.216	980.626.161.554
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>547.999.991.329</b>	<b>594.183.698.742</b>
Thu nhập khác	31	41	203.776.358.682	215.996.634.857
Chi phí khác	32	42	68.275.657.378	164.259.156.415
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>135.500.701.304</b>	<b>51.737.478.442</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>683.500.692.633</b>	<b>645.921.177.184</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>44</b>	<b>80.177.835.872</b>	<b>68.488.725.641</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>44</b>	<b>24.000.499.701</b>	<b>30.545.170.555</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>579.322.357.060</b>	<b>546.887.280.988</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		579.322.357.060	546.887.280.988
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		324.833.974.935	389.797.849.246
Cổ đông không kiểm soát	62		254.488.382.125	157.089.431.742
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	650	780

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng




Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Phương pháp gián tiếp)

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>683.500.692.633</b>	<b>645.921.177.184</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		641.193.318.038	585.663.173.305
Các khoản dự phòng	03		170.894.626.686	142.437.387.116
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		46.747.397.531	56.008.761.043
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(782.882.495.085)	(725.593.824.363)
Chi phí lãi vay	06		333.839.233.856	354.284.173.973
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	07		-	(11.516.222.447)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.093.292.773.659</b>	<b>1.047.204.625.811</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(328.475.608.151)	(652.187.055.984)
Biến động hàng tồn kho	10		(214.336.914.153)	(197.771.299.583)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		191.155.368.364	495.758.857.325
Biến động chi phí trả trước	12		(2.797.149.589)	(85.430.154.028)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		60.000.000	22.102.232.451
			<b>738.898.470.130</b>	<b>629.677.205.992</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(300.611.806.591)	(369.529.385.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(68.682.102.247)	(60.637.314.396)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		79.939.016.011	521.621.957.265
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(86.419.815.739)	(474.794.857.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>363.123.761.564</b>	<b>246.337.605.601</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.950.089.480.586)	(2.173.129.146.245)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		126.789.470.063	141.880.259.148
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(898.553.317.359)	(489.739.179.478)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		343.558.868.302	320.808.174.789
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(67.927.335.542)	(76.330.416.254)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		163.902.811.549	114.742.940.194
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		429.142.754.368	456.581.778.927
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		5	(116.831.226.727)	277.032.580.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.970.007.455.932)</b>	<b>(1.428.153.008.073)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		65.779.619.792	40.021.764.691
Tiền thu từ đi vay	33		14.562.238.424.160	15.331.394.255.786
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.594.453.139.645)	(14.153.985.841.920)
Tiền trả cổ tức	36		(402.656.062.222)	(107.901.358.326)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>630.908.842.085</b>	<b>1.109.528.820.231</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(975.974.852.283)</b>	<b>(72.286.582.241)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.472.432.913.255</b>	<b>2.544.719.495.496</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>1.496.458.060.972</b>	<b>2.472.432.913.255</b>

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 54 công ty con và 34 công ty liên kết (1/1/2016: 52 công ty con và 37 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	18	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	36	Xem Phụ lục 2
	54	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	34	Xem Phụ lục 3
	88	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 36.904 nhân viên (1/1/2016: 36.674 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và
- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 thay vì ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu, như theo các quy định hiện hành do theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) *Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### **(iv) *Công ty liên kết***

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(vi) *Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong những năm sau theo phương pháp đường thẳng nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021). Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 15.146 triệu VND.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

#### **(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của công ty cổ phần và các đơn vị khác đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (“đơn vị niêm yết”) được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập, ngoại trừ trường hợp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành. Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng 26.499 triệu VND.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(m) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

##### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

##### **(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

##### **(v) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

##### **(vi) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngoại trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

#### **(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

#### **(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

Trong năm, Cơ quan Tổng Giám đốc đã đánh giá lại những lợi ích mà các khoản đầu tư vào các công ty con trước đây có thể mang lại và quyết định giảm thời gian phân bổ một số khoản lợi thế thương mại từ 10 năm xuống tối đa là 3 năm. Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 là đã làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và giảm lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế của Tập đoàn là 19 tỷ VND.

#### **(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(q) Trái phiếu phát hành**

##### ***Trái phiếu thường***

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

#### **(r) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(t) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iv) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

##### **(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Trước năm 2016, Tập đoàn ghi nhận doanh thu cho toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại đất thuê trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Trong năm 2016, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu cho thuê lại đất thuê đối với các hợp đồng đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần theo Thông tư 200. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 cho ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu nêu trên. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại được trình bày ở Thuyết minh 49 – Số liệu so sánh.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo chính sách kế toán đã được thay đổi, doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

#### **(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

#### **(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(v) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

#### **(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

#### **(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

## **4. Báo cáo bộ phận**

### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất; và
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Năm 2016	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.822.785.442.979	2.288.206.407.653	1.350.528.964.020	-	15.461.520.814.652
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.927.750.522.683	188.308.781.638	58.675.903.151	(3.174.735.207.472)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.750.535.965.662	2.476.515.189.291	1.409.204.867.171	(3.174.735.207.472)	15.461.520.814.652
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	506.863.393.007	506.863.393.007
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	616.979.303.217	(71.839.882.746)	63.307.230.338	(60.446.659.480)	547.999.991.329
Thu nhập khác	206.696.859.393	2.611.304.028	1.561.398.959	(7.093.203.698)	203.776.358.682
Chi phí khác	(56.179.343.902)	(11.633.472.651)	(4.977.809.690)	4.514.968.865	(68.275.657.378)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(62.458.736.885)	(471.772.891)	(17.247.326.096)	-	(80.177.835.872)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.638.052.138	-	-	(25.638.551.839)	(24.000.499.701)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	706.676.133.961	(81.333.824.260)	42.643.493.511	(88.663.446.152)	579.322.357.060



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Công nghiệp dệt may VND</b>	<b>Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>					
Tài sản của bộ phận	21.189.022.784.889	311.650.238.461	2.677.447.566.562	(6.234.266.235.468)	17.943.854.354.444
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.536.176.143.382	412.560.000	307.875.000	313.672.362.635	1.850.568.941.017
<b>Tổng tài sản</b>	<b>22.725.198.928.271</b>	<b>312.062.798.461</b>	<b>2.677.755.441.562</b>	<b>(5.920.593.872.833)</b>	<b>19.794.423.295.461</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.148.327.345.871</b>	<b>464.991.161.419</b>	<b>1.521.822.896.190</b>	<b>(2.935.188.642.059)</b>	<b>12.199.952.761.421</b>
<b>Năm 2016</b>					
Chi tiêu vốn	1.725.307.884.437	12.011.701.586	280.884.605.755	(68.114.711.192)	1.950.089.480.586
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	559.045.492.972	4.185.251.935	48.117.340.122	(35.958.656.768)	575.389.428.261
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.871.890.315	-	-	-	7.871.890.315
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.587.513.047	-	104.866.142	-	4.692.379.189
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.774.399.678	127.523.400	1.726.341.985	-	3.628.265.063

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm 2015	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND Đã điều chỉnh lại	Loại trừ VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.710.530.194.468	2.471.890.511.917	1.214.022.091.702	(212.596.235.811)	15.183.846.562.276
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.844.391.021.716	160.360.785.122	97.006.262.396	(3.101.758.069.234)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.554.921.216.184	2.632.251.297.039	1.311.028.354.098	(3.314.354.305.045)	15.183.846.562.276
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	498.259.938.877	498.259.938.877
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	634.122.264.539	(50.520.560.239)	(5.566.262.439)	16.148.256.881	594.183.698.742
Thu nhập khác	172.707.425.876	4.433.849.031	166.672.826.486	(127.817.466.536)	215.996.634.857
Chi phí khác	(121.026.312.034)	(2.095.833.527)	(106.488.399.713)	65.351.388.859	(164.259.156.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(58.799.101.493)	(1.354.900.157)	(7.181.161.533)	(1.153.562.458)	(68.488.725.641)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.838.679.008	-	(3.731.968.166)	(28.651.881.397)	(30.545.170.555)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	628.842.955.896	(49.537.444.892)	43.705.034.635	(76.123.264.651)	546.887.280.988

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Công nghiệp dệt may VND</b>	<b>Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND</b>	<b>Các hoạt động khác VND Đã điều chỉnh lại</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tại ngày 1/1/2016</b>					
Tài sản của bộ phận	17.832.356.096.959	1.012.826.749.528	2.403.807.055.671	(4.093.604.428.832)	17.155.385.473.326
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.544.370.146.634	28.089.720.000	307.875.000	75.913.292.817	1.648.681.034.451
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.376.726.243.593</b>	<b>1.040.916.469.528</b>	<b>2.404.114.930.671</b>	<b>(4.017.691.136.015)</b>	<b>18.804.066.507.777</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.022.097.667.559</b>	<b>1.284.815.706.866</b>	<b>1.796.090.116.611</b>	<b>(1.646.776.178.172)</b>	<b>11.456.227.312.864</b>
<b>Năm 2015</b>					
Chi tiêu vốn	1.968.967.358.069	53.029.326.518	217.198.106.640	(66.065.644.982)	2.173.129.146.245
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	511.728.723.005	12.195.463.001	37.998.513.672	(9.870.426.093)	552.052.273.585
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.890.852.739	-	-	-	7.890.852.739
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.505.197.434	75.242.562	2.350.100.396	(2.283.218.434)	3.647.321.958
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.055.630.448	127.523.401	1.861.383.465	-	3.044.537.314

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

<b>Năm 2016</b>	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	5.492.979.957.335	9.968.540.857.317	15.461.520.814.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	747.378.688.867	956.775.914.626	1.704.154.603.493
Thu nhập không phân bổ			846.016.533.137
Chi phí không phân bổ			(2.002.171.145.301)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			547.999.991.329
Thu nhập khác			203.776.358.682
Chi phí khác			(68.275.657.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(104.178.335.573)
Lợi nhuận thuần sau thuế			579.322.357.060
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Tài sản của bộ phận	867.718.840.314	1.366.078.438.506	2.233.797.278.820
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			17.560.626.016.641
Tổng tài sản			19.794.423.295.461
Nợ phải trả của bộ phận	909.626.183.659	377.463.795.150	1.287.089.978.809
Các khoản nợ không phân bổ			10.912.862.782.612
Tổng nợ phải trả			12.199.952.761.421

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Năm 2015</b>	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Tổng doanh thu của bộ phận	6.092.279.245.048	9.091.567.317.228	15.183.846.562.276
Kết quả kinh doanh của bộ phận	839.848.651.068	1.044.763.667.854	1.884.612.318.922
Thu nhập không phân bổ			940.573.406.784
Chi phí không phân bổ			(2.231.002.026.964)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			594.183.698.742
Thu nhập khác			215.996.634.857
Chi phí khác			(164.259.156.415)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(99.033.896.196)
Lợi nhuận thuần sau thuế			546.887.280.988
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 1/1/2016</b>			
Tài sản của bộ phận	888.684.609.026	1.349.538.862.084	2.238.223.471.110
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			16.565.843.036.667
Tổng tài sản			18.804.066.507.777
Nợ phải trả của bộ phận	781.377.856.573	443.893.942.715	1.225.271.799.288
Các khoản nợ không phân bổ			10.230.955.513.576
Tổng nợ phải trả			11.456.227.312.864

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **5. Hợp nhất kinh doanh**

### **(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con**

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần May Gia Phúc với giá trị ghi sổ là 5,2 tỷ VND cho các cổ đông khác, qua đó, giảm tỷ lệ biểu quyết trong Công ty Cổ phần May Gia Phúc từ 51% xuống còn 25%. Công ty Cổ phần May Gia Phúc trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại một công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú giảm từ 55% xuống còn 43,2% do các cổ đông của công ty con này thay đổi thỏa thuận về tỷ lệ biểu quyết. Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và của Tập đoàn.

Trong năm, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Do Tập đoàn không đầu tư vào các cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này giảm từ 65,5% xuống còn 45,7% và theo đó Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.086.399.057
Các khoản phải thu ngắn hạn	393.604.632.570
Hàng tồn kho	196.073.382.386
Tài sản ngắn hạn khác	92.904.800.120
Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000.000
Tài sản cố định	453.651.121.311
Tài sản dở dang dài hạn	4.871.228.260
Đầu tư tài chính dài hạn	47.331.500.000
Tài sản dài hạn khác	22.316.032.164
Nợ ngắn hạn	(777.720.191.131)
Nợ dài hạn	(396.085.607.674)
<hr/>	
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	97.033.297.063
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con cấp 2	(59.939.499.541)
<hr/>	
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát	37.093.797.522
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	14.109.526.440
<hr/>	
Giá thanh lý	51.203.323.962
Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát	(46.003.323.962)
<hr/>	
Tiền thu được từ thoái vốn	5.200.000.000
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(57.086.399.057)
<hr/>	
Khoản tiền thuần giảm đi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(51.886.399.057)
<hr/>	

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 37).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Hợp nhất công ty con mới trong năm**

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã mua thêm 2.790.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, với giá mua là 69.750 triệu VND, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 40% lên 71%. Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

Các giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát với các công ty con nêu trên như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.805.172.330
Các khoản phải thu ngắn hạn	110.819.273.839
Hàng tồn kho	108.519.089.473
Tài sản ngắn hạn khác	1.084.495.423
Các khoản phải thu dài hạn	162.145.759
Tài sản cố định	184.671.495.381
Tài sản dở dang dài hạn	12.499.147.993
Tài sản dài hạn khác	4.462.229.757
Nợ ngắn hạn	(223.398.531.466)
Nợ dài hạn	(107.288.077.974)
	106.336.440.515
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	106.336.440.515
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát	39.379.505.830
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tới ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty này	(42.804.509.933)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày nắm quyền kiểm soát	59.507.455.683
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 20)	23.667.548.420
	79.750.000.000
Giá mua phần sở hữu tăng thêm	79.750.000.000
Khoản tiền của công ty được hợp nhất	(14.805.172.330)
	64.944.827.670
Khoản tiền trả thuần	64.944.827.670



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần May Hiệp Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú xấp xỉ với giá trị ghi sổ tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát.

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức và Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú đã đóng góp lần lượt là 71,2 tỷ VND doanh thu và 10,4 tỷ VND lợi nhuận trước thuế trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

**(c) Giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết**

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (“VTEC”), một công ty liên kết của Tập đoàn, đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết này từ 47,88% xuống còn 31,92%.

Giao dịch này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	VND	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC tại ngày Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu	306.500.406.821	
Giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào VTEC do giảm tỷ lệ sở hữu		(102.166.802.274)
Vốn cổ phần tăng thêm tại VTEC	140.000.000.000	
Tăng giá trị ghi sổ khoản khoản đầu tư vào VTEC từ vốn cổ phần tăng thêm		44.686.400.000
		<hr/>
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại VTEC		(57.480.402.274)
		<hr/> <hr/>

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	13.010.408.309	11.013.721.700
Tiền gửi ngân hàng	419.371.120.367	579.320.249.799
Các khoản tương đương tiền	1.064.076.532.296	1.882.098.941.756
	<hr/>	<hr/>
	1.496.458.060.972	2.472.432.913.255
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 47.184 triệu VND (1/1/2016: 68.455 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 195.918 triệu VND là tiền được Ngân sách Nhà nước giải ngân cho các dự án của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 992/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 115 tỷ VND (1/1/2016: 161 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

## 7. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>								
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-	-	-	-	-
Các cổ phiếu khác		-	-	-		60.000.000	(*)	-
		<u>74.767.938.000</u>	<u>48.269.301.150</u>	<u>-</u>		<u>60.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>

Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân là chứng khoán kinh doanh từ khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do thay đổi mục đích nắm giữ các cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	877.974.307.703	877.974.307.703	301.060.832.500	301.060.832.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	(*)	5.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 7,2% (2015: 4,8% đến 8,0%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016				1/1/2016			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35,51%	63.035.518.965	(*)	35,51%	35,51%	60.400.264.087	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	31,92%	31,92%	337.701.471.152	(*)	47,88%	47,88%	297.479.100.069	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	180.739.319.036	(*)	46,93%	46,93%	155.577.521.701	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	25.689.104.936	(*)	27,00%	27,00%	25.888.333.803	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	80.331.834.379	(*)	27,69%	27,69%	75.677.889.947	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	36.000.844.299	(*)	36,79%	36,79%	28.937.101.395	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	83.176.678.571	(*)	35,01%	35,01%	71.269.066.274	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.438.283.818	(*)	30,00%	30,00%	85.854.704.421	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13,73%	26,93%	46.379.699.622	(*)	13,73%	26,93%	46.415.883.754	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	-	-	-	20,40%	40,00%	38.262.311.562	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	311.904.292.245	(*)	18,18%	35,65%	151.764.323.142	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	44,02%	142.806.374.535	(*)	24,30%	44,02%	142.806.374.535	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			457.365.519.459	(*)			468.348.159.761	(*)
			1.850.568.941.017				1.648.681.034.451	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016				1/1/2016					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
<b>Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (**)	-	-	-	-	-	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.029.575.000	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.541.452.540
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	-	-	-	-	(*)	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			202.836.627.854	(15.430.394.173)	(*)			202.693.027.297	(14.357.460.486)	(*)
			<u>243.768.742.829</u>	<u>(15.430.394.173)</u>				<u>371.556.535.617</u>	<u>(26.782.132.536)</u>	

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 305 tỷ VND (1/1/2016: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
Tăng trong năm	58.911.280.000	40.563.463.012
Tăng do hợp nhất các công ty liên kết mới trong năm	-	307.875.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	506.863.393.007	498.259.938.877
Cổ tức được chia	(254.466.174.403)	(290.785.546.816)
Thanh lý các công ty liên kết	(55.260.676.249)	(19.935.420.802)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến giảm (Thuyết minh 5(c))	(57.480.402.274)	-
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày chuyển thành công ty con của Tập đoàn	(42.804.509.933)	(38.985.406.946)
Tăng do hai công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 5(a))	46.003.323.962	113.348.901.096
Giảm do mất quyền kiểm soát các công ty con cấp 1	-	(106.064.726.300)
Khác	121.672.456	8.041.404.740
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	269.720.105.352	209.139.075.780
Phải thu các khách hàng khác	1.964.077.173.468	2.029.084.395.330
	<hr/>	<hr/>
	2.233.797.278.820	2.238.223.471.110

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ là 361 tỷ VND (1/1/2016: 287 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	477.511.086
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	67.867.351.724	67.594.248.784
Công ty TNHH Coats Phong Phú	83.849.547.695	75.512.228.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	49.096.825.798	57.514.995.089
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	58.111.684.580	-
Các công ty liên quan khác	10.794.695.555	8.040.092.468
	<hr/>	<hr/>
	269.720.105.352	209.139.075.780

Khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**9. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	166.800.000.000	106.300.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	2.500.000.000	20.000.000.000
<b>Bên thứ ba</b>		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	68.888.460.000
Các công ty khác	8.739.342.156	6.690.708.302
	<hr/>	<hr/>
	178.039.342.156	201.879.168.302

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các công ty liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 4% đến 17,2% (2015: từ 6,65% đến 17,2%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	6.032.299.277	6.214.145.701
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	292.306.644.002	303.008.898.091
Phải thu lãi cho vay	80.105.056.924	57.878.261.322
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.457.461.989	9.146.683.835
Phải thu các khoản tạm ứng	25.240.806.180	18.588.317.187
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	150.261.466	17.379.259.439
Phải thu người lao động	1.353.984.317	1.354.500.000
Ký cược, ký quỹ	65.843.706.569	97.234.000.000
Các khoản chi hộ	9.257.686.397	15.618.412.969
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	66.155.996.716	57.500.000.000
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	40.525.919.440	-
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiền chuyên nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	-	16.145.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối B	3.635.798.617	6.894.350.323
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	28.579.063.361	41.170.983.708
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	9.142.331.171	2.919.583.333
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý (*)	15.500.718.763	-
Phải thu khác	58.812.249.539	59.018.848.188
	<b>736.642.535.818</b>	<b>733.613.795.186</b>

(\*) Trong năm, hàng tồn kho của một công ty con của Tập đoàn bị tổn thất do lũ lụt. Hàng tồn kho này thuộc đối tượng được bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm do công ty con này mua tại các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Tại ngày báo cáo, công ty con này đang trong quá trình giải quyết việc đền bù tổn thất với các công ty bảo hiểm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	14.230.339.200	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.600.000.000	161.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	177.647.487.665	100.504.243.889
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	12.616.500.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	40.525.919.440	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	19.710.000.000
Các công ty liên quan khác	31.186.931.587	27.852.050.957
	<hr/>	<hr/>
	416.645.937.892	376.130.894.046
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	401.868.488.835	450.847.335.508
Phải thu tiền bồi thường đất từ		
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các		
hợp đồng cho thuê tài sản	320.069.471.852	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	46.171.520.256	7.324.227.712
Phải thu dài hạn khác	39.259.430.125	1.121.765.924
	<hr/>	<hr/>
	926.691.505.864	578.615.923.940
	<hr/>	<hr/>

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án HUD Sơn Trà	-	69.655.996.716
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	113.285.020.627	92.607.870.584
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	<hr/>	<hr/>
	401.868.488.835	450.847.335.508
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Nợ xấu và nợ khó đòi**

Thời gian quá hạn	31/12/2016			Thời gian quá hạn	1/1/2016			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	36.669.572.750	(29.330.536.774)	7.339.035.976	Trên 3 năm	37.543.029.312	(23.914.493.474)	13.628.535.838
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 2 năm	40.393.792.764	(26.859.013.654)	13.534.779.110	Trên 2 năm	31.696.652.337	(15.748.326.169)	15.948.326.168
Các khách hàng khác		253.089.723.934	(205.557.151.605)	47.532.572.329		264.024.984.209	(175.651.143.267)	88.373.840.942
		440.782.843.215	(372.376.455.800)	68.406.387.415		443.894.419.625	(325.943.716.677)	117.950.702.948
<b>Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		-	-	-
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(372.376.455.800)				(325.943.716.677)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)				-	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	173.171.827.659	(4.525.261.870)	114.315.560.771	(647.394.977)
Nguyên vật liệu	852.388.600.295	(15.796.640.938)	910.446.852.856	(11.130.054.296)
Công cụ và dụng cụ	13.449.707.512	-	15.836.396.805	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.248.097.045.251	(231.095.106)	1.085.487.854.869	(1.233.146.756)
Thành phẩm	864.119.068.667	(58.968.861.807)	848.040.130.993	(27.161.964.642)
Hàng hóa	66.760.443.029	(94.820.657)	87.229.695.764	(486.095.980)
Hàng gửi đi bán	68.600.558.027	-	74.134.167.706	-
	<b>3.286.587.250.440</b>	<b>(79.616.680.378)</b>	<b>3.135.490.659.764</b>	<b>(40.658.656.651)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 634 tỷ VND (1/1/2016: 895 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 256 tỷ VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2016: 106 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.678.901.322.469	6.391.409.065.129	266.534.360.764	65.814.180.254	122.317.880.929	9.524.976.809.545
Tăng trong năm	47.729.193.098	172.585.947.191	12.913.263.378	5.001.688.326	15.655.720.300	253.885.812.293
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	350.108.647.746	1.368.706.165.289	18.307.220.274	12.981.591.047	14.169.668.857	1.764.273.293.213
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	100.192.173.518	102.088.117.769	1.816.921.633	1.051.893.400	1.346.599.608	206.495.705.928
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	14.340.713.271	32.760.812.077	-	-	-	47.101.525.348
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(2.890.030.050)	-	(1.647.099.500)	-	(4.537.129.550)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.869.168.247)	(650.000.000)	-	-	-	(3.519.168.247)
Thanh lý	(34.863.348.106)	(184.721.055.754)	(4.975.521.540)	(1.997.627.266)	(2.436.774.150)	(228.994.326.816)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(183.153.794.399)	(288.433.787.867)	(3.566.619.456)	(625.267.806)	(9.988.363.281)	(485.767.832.809)
Xóa sổ	(16.644.516.488)	-	-	-	-	(16.644.516.488)
Phân loại lại	(9.653.806)	9.653.806	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.953.731.569.056	7.590.864.887.590	291.029.625.053	80.579.358.455	141.064.732.263	11.057.270.172.417

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	906.504.249.097	3.834.415.666.574	144.529.469.133	39.892.727.827	52.342.279.559	4.977.684.392.190
Khấu hao trong năm	114.096.186.455	412.508.838.100	25.774.541.609	7.076.257.770	15.933.604.327	575.389.428.261
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	13.118.446.046	22.412.773.969	645.701.212	524.253.878	351.883.429	37.053.058.534
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	3.942.980.985	-	-	-	3.942.980.985
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(650.261.497)	-	(12.951.753)	-	(663.213.250)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.604.702.173)	-	-	-	-	(2.604.702.173)
Thanh lý	(30.765.357.992)	(171.239.633.013)	(4.609.758.061)	(1.980.792.986)	(1.233.509.176)	(209.829.051.228)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(5.266.617.905)	(25.001.446.590)	(669.738.606)	(495.783.673)	(883.916.391)	(32.317.503.165)
Xóa sổ	(9.325.707.267)	-	-	-	-	(9.325.707.267)
Phân loại lại	859.591.961	(1.478.955.922)	619.363.961	-	-	-
Số dư cuối năm	986.616.088.222	4.074.909.962.606	166.289.579.248	45.003.711.063	66.510.341.748	5.339.329.682.887
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.772.397.073.372	2.556.993.398.555	122.004.891.631	25.921.452.427	69.975.601.370	4.547.292.417.355
Số dư cuối năm	1.967.115.480.834	3.515.954.924.984	124.740.045.805	35.575.647.392	74.554.390.515	5.717.940.489.530

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.724 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.417 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7 tỷ VND (1/1/2016: 9 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.176 tỷ VND (1/1/2016: 3.733 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	77.869.150.876
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	15.184.674.297
Thanh lý	(787.359.160)
	<hr/>
Số dư cuối năm	92.266.466.013
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	14.783.544.117
Khấu hao trong năm	7.871.890.315
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	3.303.119.940
Thanh lý	(393.679.575)
	<hr/>
Số dư cuối năm	25.564.874.797
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	63.085.606.759
Số dư cuối năm	66.701.591.216
	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	127.138.768.908	11.917.982.515	657.415.000	139.714.166.423
Tăng trong năm	16.412.539.697	2.397.773.907	444.246.600	19.254.560.204
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	3.273.749.880	86.100.000	-	3.359.849.880
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.005.602.000	-	2.005.602.000
Thanh lý	(620.000.000)	(55.755.000)	-	(675.755.000)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(221.250.000)	-	(221.250.000)
Số dư cuối năm	146.205.058.485	16.130.453.422	1.101.661.600	163.437.173.507
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	16.230.649.739	7.001.616.086	591.606.334	23.823.872.159
Khấu hao trong năm	2.768.579.639	1.911.765.293	12.034.257	4.692.379.189
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	12.556.250	-	12.556.250
Thanh lý	(499.531.713)	(9.607.125)	-	(509.138.838)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(20.458.333)	-	(20.458.333)
Số dư cuối năm	18.499.697.665	8.895.872.171	603.640.591	27.999.210.427
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	110.908.119.169	4.916.366.429	65.808.666	115.890.294.264
Số dư cuối năm	127.705.360.820	7.234.581.251	498.021.009	135.437.963.080

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 16. Bất động sản đầu tư

### Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	99.294.687.146	49.076.159.710	588.145.491	148.958.992.347
Số dư đầu năm – đã báo cáo trước đây	112.366.713.855	49.076.159.710	588.145.491	162.031.019.056
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 49)	(13.072.026.709)	-	-	(13.072.026.709)
Tăng trong năm	-	375.571.016	86.713.095	462.284.111
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.812.063.160	707.105.087	3.519.168.247
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	5.595.710.019	5.595.710.019
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(32.854.588.185)	-	-	(32.854.588.185)
Số dư cuối năm	66.440.098.961	52.263.793.886	6.977.673.692	125.681.566.539



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Hạ tầng khu công nghiệp VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.784.839.497	16.200.464.350	288.211.602	18.273.515.449
<i>Số dư đầu năm – đã báo cáo trước đây</i>	<i>8.419.773.693</i>	<i>16.200.464.350</i>	<i>288.211.602</i>	<i>24.908.449.645</i>
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 49)</i>	<i>(6.634.934.196)</i>	-	-	<i>(6.634.934.196)</i>
Khấu hao trong năm	1.726.341.985	1.768.724.358	133.198.720	3.628.265.063
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.604.702.173	-	2.604.702.173
Giảm giá trị tương ứng với các hợp đồng cho thuê lại đất ghi nhận doanh thu một lần	(402.148.389)	-	-	(402.148.389)
Số dư cuối năm	3.109.033.093	20.573.890.881	421.410.322	24.104.334.296
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	97.509.847.649	32.875.695.360	299.933.889	130.685.476.898
Số dư cuối năm	63.331.065.868	31.689.903.005	6.556.263.370	101.577.232.243

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

## 17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	1.326.835.437.886	266.093.397.264
Tăng trong năm	1.660.562.072.902	1.791.796.915.214
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.764.273.293.213)	(553.157.666.067)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.005.602.000)	(221.250.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.595.710.019)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(91.008.256.066)	(45.074.818.401)
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong năm	12.499.147.993	-
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(4.871.228.260)	(127.727.285.278)
Thanh lý	-	(4.873.854.846)
Số dư cuối năm	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	21.985.386.962	168.030.012.763
• Nhà máy Sợi Phú Cường	20.766.833.497	316.442.844.422
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	13.410.122.957	262.300.252.185
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	97.912.389.378
• Nhà máy May Quảng Bình	5.557.770.050	648.291.111
• Nhà máy May Bạc Liêu	14.048.857.262	-
• Nhà máy May Tuyên Quang	29.215.075.863	-
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	6.335.837.250	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	5.062.909.771	9.133.406.988
• Văn phòng Ngô Thị Nhậm	27.816.556.643	-
• Nhà máy sợi Hưng Yên	5.956.500.224	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
• Dự án nhà ở công nhân	3.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	12.493.091.904	14.861.730.952
• Trang trại Ia Lốp - Đăk Lăk	5.026.951.188	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy kéo sợi Hưng Yên	-	186.568.117.361
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	285.086.654.835	18.491.972.353
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.524.726.193	27.535.279.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	69.725.226.915	54.640.730.355
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.329.264.068	18.325.569.336
• Xây dựng nhà máy sợi 3 - 12 Vạn cọc	6.689.758.596	-
• Các công trình khác	26.927.142.679	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
• Dự án máy nhuộm	4.108.111.117	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	54.262.685.562	51.980.925.381

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
▪ Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt Nam Định		
• Công trình đầu tư nhà xưởng máy se sợi	3.394.643.800	-
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	-
▪ Công ty Sợi Thăng Bình		
• Xây dựng Nhà xưởng Sợi Thăng Bình	25.711.906.055	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	8.064.287.500	-
• Xưởng chuẩn bị	6.699.002.368	-
• Máy móc thiết bị	4.694.017.917	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy Sản xuất vải dệt kim	201.224.598.925	80.745.818.139
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	25.326.424.297	5.159.197.481
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	6.270.858.448	-
• Dự án Khăn bông và Vải denim	125.185.301.630	-
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.547.525.252	-
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	6.281.513.126	-
▪ Các công trình khác	49.974.857.750	14.058.899.852
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.132.142.569.223	1.326.835.437.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 122 tỷ VND (1/1/2016: 300 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 17 tỷ VND (2015: 25 tỷ VND).

## 18. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.279.408.117	2.285.000.733
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.755.193.289	9.756.786.160
Công cụ dụng cụ	5.182.574.915	3.468.970.229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.734.822.410	7.483.473.486
	<u>22.951.998.731</u>	<u>22.994.230.608</u>

### (b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.645.504.694	200.822.471.954	40.222.035.449	150.055.863.701	3.915.262.825	10.850.507.678	17.463.226.303	-	28.234.710.282	461.209.582.886
Tăng trong năm	-	15.924.751.076	-	113.508.766.703	-	13.035.814.829	5.581.983.652	15.146.064.363	58.039.298.915	221.236.679.538
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	37.473.055.753	-	32.442.762.778	-	-	288.019.893	-	20.804.417.642	91.008.256.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(43.158.544.363)	-	-	-	-	-	(43.158.544.363)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	3.873.916.300	-	-	-	-	-	3.873.916.300
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	104.439.249	579.776.291	-	-	3.516.655.142	-	261.359.075	4.462.229.757
Thanh lý	-	(17.071.793.327)	-	-	-	-	-	-	-	(17.071.793.327)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.585.584.000)	-	(19.675.448.270)	-	-	-	-	(1.054.999.894)	(22.316.032.164)
Phân bổ trong năm	(3.486.183.585)	(21.286.710.370)	(9.402.215.449)	(73.823.276.805)	(1.957.631.412)	(7.109.020.160)	(6.709.910.550)	-	(52.144.767.040)	(175.919.715.371)
Xóa sổ	-	-	-	(49.154.947.660)	-	-	-	-	-	(49.154.947.660)
Biến động khác	-	-	-	274.000.000	-	-	-	-	-	274.000.000
Số dư cuối năm	<u>6.159.321.109</u>	<u>214.276.191.086</u>	<u>30.924.259.249</u>	<u>114.922.868.675</u>	<u>1.957.631.413</u>	<u>16.777.302.347</u>	<u>20.139.974.440</u>	<u>15.146.064.363</u>	<u>54.140.018.980</u>	<u>474.443.631.662</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 34 tỷ VND (1/1/2016: Không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20%	2.757.493.791	8.941.954.844
Các khoản mục khác	20%	4.950.207.304	3.876.703.689
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>7.707.701.095</b>	<b>12.818.658.533</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20%	-	23.864.518.959
Các khoản mục khác	20%	64.896.986.719	22.142.925.497
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		<b>64.896.986.719</b>	<b>46.007.444.456</b>

**20. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm	53.314.412.096
Tăng trong năm (Thuyết minh 5)	23.667.548.420
<b>Số dư cuối năm</b>	
<b>76.981.960.516</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	20.058.038.841
Khấu hao trong năm	26.367.013.428
<b>Số dư cuối năm</b>	
<b>46.425.052.269</b>	
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	33.256.373.255
Số dư cuối năm	30.556.908.247

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả người bán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	83.125.034.565	105.936.935.422
▪ Phải trả người bán khác	1.188.044.206.083	1.097.554.622.574
	<hr/>	<hr/>
	1.271.169.240.648	1.203.491.557.996
	<hr/>	<hr/>
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
▪ Phải trả người bán khác	15.920.738.161	21.780.241.292
	<hr/>	<hr/>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	34.703.399.592	27.671.551.336
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	-	38.191.685.755
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	8.109.361.341	7.100.882.915
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	8.657.272.681	24.236.373.310
Tổng Công ty May 10 - CTCP	-	2.823.799.815
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	24.801.868.113	-
Các công ty liên quan khác	6.853.132.838	5.912.642.291
	<hr/>	<hr/>
	83.125.034.565	105.936.935.422
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**22. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2016 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.946.448.512	495.042.241	(315.917.738)	-	5.125.573.015
Thuế xuất nhập khẩu	6.154.334.982	42.664.014.908	(21.834.463.427)	-	26.983.886.463
Thuế nhà đất	-	4.266.504.920	(3.235.463.920)	-	1.031.041.000
Các loại thuế khác	1.609.196.589	778.104.448	(1.628.468.942)	(7.601.425)	751.230.670
<b>Các khoản khác</b>					
Các khoản khác	1.669.654.894	11.016.944	(1.039.238.595)	-	641.433.243
	14.379.634.977	48.214.683.461	(28.053.552.622)	(7.601.425)	34.533.164.391



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2016 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	22.683.996.551	472.753.996.264	(475.223.396.839)	-	20.214.595.976
Thuế xuất nhập khẩu	3.170.139.874	15.331.962.903	(18.350.582.462)	-	151.520.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.798.650.161	80.177.835.872	(68.502.977.744)	(156.307.063)	32.317.201.226
Thuế thu nhập cá nhân	10.002.751.195	14.225.007.971	(15.662.859.479)	(22.139.089)	8.542.760.598
Thuế tài nguyên	64.235.536	837.668.054	(763.047.847)	-	138.855.743
Thuế nhà đất	23.360.214.019	14.775.895.832	(24.377.314.203)	-	13.758.795.648
Tiền thuê đất	21.291.071.606	66.721.030.603	(73.014.275.865)	-	14.997.826.344
Các loại thuế khác	4.167.236.290	5.768.649.402	(6.208.482.392)	-	3.727.403.300
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Các khoản khác	161.822.641	134.489.007	(296.311.648)	-	-
	105.700.117.873	670.726.535.908	(682.399.248.479)	(178.446.152)	93.848.959.150

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	27.766.686.948	15.634.571.661
Chi phí hoạt động	17.765.749.384	19.544.661.980
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	95.747.115.431	95.395.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	4.486.961.870	18.274.379.066
Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.732.755.545	15.709.968.145
Chi phí gia công thuê ngoài	958.232.913	1.151.606.813
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	3.000.000.000
Phí hoa hồng	4.007.649.398	3.456.281.760
Chi phí phải trả khác	8.235.381.589	15.774.559.976
	<hr/>	<hr/>
	174.700.533.078	187.941.144.832
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	175.649.205.078	188.889.816.832

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	27.511.488.000	28.460.160.000
Chi phí phải trả khác	-	1.282.923.822
	<hr/>	<hr/>
	27.511.488.000	29.743.083.822
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	26.562.816.000	28.794.411.822

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	27.880.058.887	23.019.880.593
Phải trả về cổ phần hóa	7.677.704.301	5.762.899.011
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	297.418.118	363.875.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	18.936.155.635	17.627.731.759
Phải trả lãi vay khác	46.798.726.172	27.011.838.070
Phải trả cổ tức	14.730.104.706	27.619.916.234
Quỹ từ thiện	8.017.371.663	3.551.073.470
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	47.184.176.063	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	-	4.672.021.554
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	14.854.155.199	14.984.617.189
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	-	54.477.154.476
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	364.061.259.133	369.532.259.133
Các khoản phải trả khác	54.016.898.746	67.137.233.311
	<b>604.454.028.623</b>	<b>684.215.591.558</b>

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.000.000.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	9.776.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	74.882.125.734	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	12.053.540.073	663.098.840
	<b>138.799.092.807</b>	<b>55.439.098.840</b>

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Doanh thu nhận trước	140.636.004.076	92.452.920.891
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	-	(6.833.858.515)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	<b>140.636.004.076</b>	<b>85.619.062.376</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.840.827.710.301	3.840.827.710.301	12.323.467.608.044	(12.516.640.808.114)	3.647.654.510.231	3.647.654.510.231
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	25.259.133.930	25.259.133.930	354.220.229.861	(25.259.133.930)	354.220.229.861	354.220.229.861
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.370.842.424	18.370.842.424	18.840.411.034	(18.370.842.424)	18.840.411.034	18.840.411.034
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	258.990.000	258.990.000	880.410.000	(258.990.000)	880.410.000	880.410.000
	3.884.716.676.655	3.884.716.676.655	12.697.408.658.939	(12.560.529.774.468)	4.021.595.561.126	4.021.595.561.126

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản vay ngắn hạn có 1.746 tỷ VND (1/1/2016: 1.671 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tổng cộng là 1.836 tỷ VND (1/1/2016: 1.550 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,2% đến 10% (2015: từ 0% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 10% (2015: từ 1,5% đến 10,5%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	4.847.230.336.931	3.730.641.728.608
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	29.856.241.569	25.989.622.795
Nợ dài hạn khác	880.410.000	8.627.997.941
	<hr/>	<hr/>
	5.191.966.988.500	4.265.259.349.344
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(373.941.050.895)	(43.888.966.354)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.818.025.937.605	4.221.370.382.990
	<hr/>	<hr/>

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong khoản vay dài hạn có 4.761 tỷ VND (1/1/2016: 3.667 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.911 tỷ VND (1/1/2016: 4.012 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2% đến 11% (2015: từ 3,0% đến 11,0%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 3% đến 11% (2015: từ 3% đến 11%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.422 tỷ VND (1/1/2016: Không VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				314.000.000.000	500.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 215 tỷ VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

**27. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	117.290.115.751	4.717.381.547	122.007.497.298
Dự phòng sử dụng trong năm	(537.170.206)	-	(537.170.206)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(27.077.027.227)	(3.700.000.000)	(30.777.027.227)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.017.381.547)	(1.017.381.547)
Số dư cuối năm	89.675.918.318	-	89.675.918.318
Dài hạn	89.675.918.318	-	89.675.918.318

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	133.278.587.996	129.390.455.110
Trích lập trong năm	56.541.000.340	52.307.285.638
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	5.932.527.126
Sử dụng trong năm	(50.298.180.524)	(52.640.524.438)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(1.711.155.440)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	139.521.407.812	133.278.587.996



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015</b>	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.489.435.488.672	43.125.910.033	6.532.561.398.705
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	44.737.415.558	44.737.415.558	-	44.737.415.558
Biên động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	10.707.507.646	10.707.507.646	-	10.707.507.646
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	494.591.729.182	-	494.591.729.182	5.411.295.336	500.003.024.518
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	389.797.849.246	-	157.089.431.742	546.887.280.988	-	546.887.280.988
Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	-	382.184.634.187	-	149.774.774.136	531.959.408.323	-	531.959.408.323
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 49)	-	-	-	-	-	-	7.613.215.059	-	7.314.657.606	14.927.872.665	-	14.927.872.665
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	29.317.611.379	358.315.136	(29.675.926.515)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(30.667.315.831)	-	(21.639.969.807)	(52.307.285.638)	-	(52.307.285.638)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(167.442.705)	(200.890.136)	-	-	(3.505.414.792)	(3.873.747.633)	(7.108.581.934)	(10.982.329.567)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(102.500.791.652)	(102.500.791.652)	-	(102.500.791.652)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	71.763.389.445	71.763.389.445	-	71.763.389.445
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoan đầu tư vào các công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.854.265.616)	(13.854.265.616)	-	(13.854.265.616)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	54.386.931.715	-	-	-	-	(384.971.084.612)	(330.584.152.897)	-	(330.584.152.897)
Giảm tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	30.103.980.188	-	110.496.819.812	140.600.800.000	-	140.600.800.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	2.330.177.087	-	3.350.884.224	51.782.350	3.705.974.644	-	1.368.385.118	10.807.203.423	-	10.807.203.423
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã điều chỉnh lại</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	571.099.479.985	497.352.336.562	1.482.598.699.577	7.306.410.571.478	41.428.623.435	7.347.839.194.913
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016 - đã báo cáo trước đây</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	563.486.264.926	497.352.336.562	1.475.284.041.971	7.291.482.698.813	41.428.623.435	7.332.911.322.248
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	7.613.215.059	-	7.314.657.606	14.927.872.665	-	14.927.872.665
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	65.779.619.792	65.779.619.792	-	65.779.619.792
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.079	-	54.496.650.079	4.630.310.168	59.126.960.247
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	324.833.974.935	-	254.488.382.125	579.322.357.060	-	579.322.357.060
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	37.905.198.065	140.656.157	(38.045.854.222)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(37.296.250.097)	-	(19.244.750.243)	(56.541.000.340)	-	(56.541.000.340)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(103.363.465)	-	-	(453.703.204)	(557.066.669)	(8.225.417.192)	(8.782.483.861)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(139.983.650.194)	(389.983.650.194)	-	(389.983.650.194)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	66.956.934.685	66.956.934.685	-	66.956.934.685
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoan đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày nắm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.507.455.683)	(59.507.455.683)	-	(59.507.455.683)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(59.939.499.541)	(59.939.499.541)	-	(59.939.499.541)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(14.969.831.020)	-	59.769.831.020	44.800.000.000	-	44.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.930.491.306	(1.107.324.004)	-	(430.722.429)	2.028.805.719	1.519.641.170	7.940.891.762	(2.541.334.800)	5.399.556.962
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	35.292.181.611	7.594.470.534.040

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>31/12/2016 và 1/1/2016</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(\*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 31. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 6 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá).

#### 32. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

#### 33. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	116.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
<b>Nguồn khác</b>	10.784.947.137	8.756.141.418
	<hr/> 553.877.792.360	<hr/> 497.352.336.562

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán một số dự án được tài trợ bởi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản này. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	22.242.289.646	20.538.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	41.126.582.727	37.551.879.227
Sau năm năm	97.601.917.099	22.621.577.460
	<hr/>	<hr/>
	160.970.789.472	80.711.746.333
	<hr/>	<hr/>

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	139.477.888.472	45.148.146.317
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	512.117.980	655.346.580
	<hr/>	<hr/>
	139.990.006.452	45.803.492.897
	<hr/>	<hr/>

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.503.698	192.532.552.307	8.304.296	186.372.340.046
JPY	-	-	178.977	33.280.773
EUR	2.040	48.660.383	3.899	95.484.082
		<hr/>		<hr/>
		192.581.212.690		186.501.104.901
		<hr/>		<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Nguyên nhân xóa sổ</b>	<b>Năm xóa sổ</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.875.760.918
			<b>23.289.932.361</b>	<b>23.289.932.361</b>

**(e) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	900.628.660.014	576.991.272.591
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	172.917.602.652	155.761.701.033
	<b>1.073.546.262.666</b>	<b>732.752.973.624</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	14.934.496.499.262	14.622.004.102.668
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	293.820.353.306	376.140.956.213
▪ Cho thuê lại đất thuê	211.405.767.046	29.639.949.971
▪ Bán và cho thuê bất động sản	46.597.490.027	178.162.282.924
	<hr/> 15.486.320.109.641	<hr/> 15.205.947.291.776
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	18.833.850.945	12.389.661.902
▪ Giảm giá hàng bán	1.353.864.273	1.322.058.036
▪ Hàng bán bị trả lại	4.611.579.771	8.389.009.562
	<hr/> 24.799.294.989	<hr/> 22.100.729.500
Doanh thu thuần	<hr/> 15.461.520.814.652	<hr/> 15.183.846.562.276

**36. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	13.358.998.563.356	12.893.457.415.028
▪ Dịch vụ đã cung ứng	180.583.445.725	250.182.702.794
▪ Cho thuê lại đất thuê	150.777.113.768	7.483.550.802
▪ Bán và cho thuê bất động sản	19.910.594.223	161.508.268.942
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.096.494.087	(13.397.694.212)
	<hr/> 13.757.366.211.159	<hr/> 13.299.234.243.354

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	127.842.309.304	160.436.629.215
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	40.349.344.901	52.256.918.393
Cổ tức được chia	59.669.590.328	37.945.416.178
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.071.415.526	65.986.598.498
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.588.098.077	2.496.639.997
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	8.692.605.408	604.302.741
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	14.109.526.440	115.493.091.400
Lãi do thanh lý công ty liên kết	11.614.027.726	1.108.134.668
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.216.222.420	5.985.736.817
	<hr/>	<hr/>
	339.153.140.130	442.313.467.907

**38. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	333.839.233.856	354.284.173.973
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.758.590.527	4.334.263.222
Lỗ do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	-	98.402.788.317
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	57.480.402.274	-
Lỗ do kinh doanh ngoại hối	(11.284.681.233)	11.998.678.069
Lỗ do kinh doanh ngoại hối	-	43.248.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.894.472.353	149.268.303.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.335.495.608	58.505.401.040
Lãi thanh toán chậm	757.750.393	3.315.136.698
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.835.010.232
Chi phí tài chính khác	927.147.618	3.677.325.853
	<hr/>	<hr/>
	486.708.411.396	688.664.328.894

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	67.744.861.755	107.216.453.777
Chi phí công cụ và dụng cụ	9.581.821.045	12.617.879.867
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.414.520.804	1.927.554.367
Chi phí vận chuyển	117.824.900.228	133.919.385.239
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	6.553.819.466	2.118.055.282
Chi phí xuất nguyên vật liệu	5.372.420.239	9.346.794.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.772.006.211	140.537.049.346
Chi phí bao bì	36.809.724.996	33.222.723.804
Chi phí hoa hồng	12.418.862.044	16.681.130.319
Chi phí xuất nhập khẩu	13.900.758.469	12.896.047.755
Chi phí bán hàng khác	92.664.202.432	91.228.462.155
	<hr/> 492.057.897.689	<hr/> 561.711.536.516 <hr/>

**40. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên văn phòng	414.949.826.409	405.642.063.819
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	22.654.479.893	27.141.768.451
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.586.590.333	57.225.473.114
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	165.859.841.059	140.674.832.215
Thuế, phí và lệ phí	39.338.999.260	29.775.361.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.681.585.097	83.709.355.103
Tiền thuê đất	32.998.277.446	30.585.104.221
Công tác phí	11.764.654.407	10.260.713.095
Chi phí tiếp khách	9.557.013.277	9.264.922.290
Chi phí đào tạo	137.609.909	2.218.480.000
Chi phí khác	185.875.959.126	184.128.087.841
	<hr/> 1.023.404.836.216	<hr/> 980.626.161.554 <hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Thu nhập khác**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	111.605.963.972	137.006.404.302
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	21.825.784.227	14.209.038.663
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư	-	5.710.699.729
Bán phế liệu	1.241.229.339	4.026.886.643
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.836.679.534	12.265.144.431
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.295.638.636	5.724.617.115
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	649.124.525	4.888.842.572
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	-	11.516.222.447
Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn	27.077.027.227	-
Thu từ các khoản khác	28.244.911.222	20.648.778.955
	<hr/> 203.776.358.682	<hr/> 215.996.634.857 <hr/>

**42. Chi phí khác**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lỗ do thanh lý tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	21.220.178.986	126.253.001.960
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.709.385.017	3.512.160.196
Chi phí di dời cơ sở kinh doanh	-	7.191.091.618
Phạt vi phạm thuế	996.125.345	2.515.274.809
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.681.094.271	11.041.403.547
Chi phí đền bù tiền giải phóng mặt bằng	10.471.944.292	-
Chi các khoản khác	24.196.929.467	13.746.224.285
	<hr/> 68.275.657.378	<hr/> 164.259.156.415 <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***43. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.761.609.331.541	7.258.886.659.317
Chi phí nhân công	3.015.668.465.820	2.864.083.655.669
Chi phí khấu hao	641.193.318.038	585.663.173.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.219.452.076.251	2.065.393.043.826
Chi phí khác	921.948.736.199	1.067.136.955.048

**44. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	78.412.166.603	68.321.322.703
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.765.669.269	167.402.938
	<b>80.177.835.872</b>	<b>68.488.725.641</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	24.000.499.701	30.545.170.555
Chi phí thuế thu nhập	<b>104.178.335.573</b>	<b>99.033.896.196</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	683.500.692.633	645.921.177.184
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	136.700.138.527	142.102.658.980
Ưu đãi thuế	(3.717.726.624)	(3.602.812.509)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8.044.799.622)	(11.144.855.146)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.459.328.734	2.227.154.718
Thu nhập không bị tính thuế	(79.912.775.663)	(72.320.811.859)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(33.865.445)	(235.434.104)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	55.962.366.397	41.840.593.178
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.765.669.269	167.402.938
	<b>104.178.335.573</b>	<b>99.033.896.196</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	324.833.974.935	389.797.849.246
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
	<hr/> 650	<hr/> 780

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

**46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Góp vốn đầu tư	-	2.700.000.000
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	294.652.829.341	275.240.096.365
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.842.114.502	103.762.921.917
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.165.565.267	148.092.221.893
Mua hàng hóa	75.412.268.313	60.471.610.683
Thu nhập lãi cho vay	19.023.521.029	4.259.383.332
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	4.972.260.000	2.919.583.333
Cho vay	60.500.000.000	2.000.000.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b><i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.045.116.850	40.049.408.621
Mua hàng hóa và dịch vụ	114.976.768	4.024.392.607
<b><i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.221.626.146	19.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	125.545.455
<b><i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	849.452.396	22.356.701.250
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.481.273.692	19.913.445.237
Góp vốn đầu tư	42.614.160.000	5.918.600.000
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.775.925.000	134.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.478.807.214	68.181.818
<b><i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.188.662.260	321.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	49.741.331.557	43.450.078.767
<b><i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.277.610.361	1.275.921.565
Mua hàng hóa và dịch vụ	179.821.400	5.514.823.682
<b><i>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	33.570.367.092
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	231.305.493
<b><i>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</i></b>		
Góp vốn đầu tư	-	12.581.130.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	44.400.000
<b><i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i></b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.628.694.928	37.268.322.827
<b><i>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</i></b>		
Góp vốn đầu tư	-	7.212.000.000
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	1.803.000.000	-
<b><i>Tổng Công ty May Đồng Nai</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	288.044.064	20.000.000
Góp vốn đầu tư	-	6.689.280.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	77.600.000	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.860.012.968	9.374.947.370
<b>Công ty Cổ phần May Hưng Yên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.000.000	152.400.000
Góp vốn đầu tư	-	25.387.260.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương</b>		
Cho vay	-	17.500.000.000
Góp vốn đầu tư	-	24.852.076.451
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Góp vốn đầu tư	-	612.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex</b>		
Góp vốn đầu tư	-	7.918.626.154
Thoái vốn	7.918.626.154	-
<b>Công ty TNHH Dệt May Vinatex Quốc Tế Toms</b>		
Góp vốn đầu tư	-	27.677.160.000
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Khoản cho vay	1.470.042.156	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Đầu tư góp vốn	3.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Phương Đông</b>		
Thoái vốn	13.083.311.931	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	38.266.554.469	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	2.741.220.393	2.676.675.634
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	3.735.370.048	4.219.001.768

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thoái vốn và hợp nhất công ty con mới, như trình bày tại Thuyết minh 5, Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	-	20.037.403.056
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	-	4.715.650.867
Đối trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên thứ ba	-	219.208.552.560

**48. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán****(a) Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM**

Ngày 22 tháng 12 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 871/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên sàn UPCoM. Ngày 3 tháng 1 năm 2017, 500 triệu cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã chính thức chào sàn UPCoM với giá tham chiếu là 13.500 VND/cổ phiếu.

**(b) Cổ đông chiến lược thoái vốn**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017 Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***49. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(t)(v), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn thay đổi và áp dụng hồi tố chính sách kế toán đối với ghi nhận doanh thu đối với cho thuê lại đất thuê. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2016 Số điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Hàng tồn kho	2.874.036.790.784	261.453.868.980	3.135.490.659.764
Bất động sản đầu tư	137.122.569.411	(6.437.092.513)	130.685.476.898
<i>Nguyên giá</i>	162.031.019.056	(13.072.026.709)	148.958.992.347
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(24.908.449.645)	6.634.934.196	(18.273.515.449)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.588.289.306.866	(261.453.868.980)	1.326.835.437.886
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	72.828.899.328	10.481.703.750	83.310.603.078
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	101.968.149.707	3.731.968.166	105.700.117.873
Người mua trả tiền trước dài hạn	33.983.303.750	(10.481.703.750)	23.501.600.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	110.715.995.720	(25.096.933.344)	85.619.062.376
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	563.486.264.926	7.613.215.059	571.099.479.985
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.475.284.041.971	7.314.657.606	1.482.598.699.577



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Theo báo cáo trước đây VND	2015 Số điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.180.850.358.432	25.096.933.344	15.205.947.291.776
Giá vốn hàng bán	13.292.797.150.841	6.437.092.513	13.299.234.243.354
Lợi nhuận kế toán trước thuế	627.261.336.353	18.659.840.831	645.921.177.184
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.756.757.475	3.731.968.166	68.488.725.641
Lợi nhuận sau thuế TNDN	531.959.408.323	14.927.872.665	546.887.280.988
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	382.184.634.187	7.613.215.059	389.797.849.246
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	149.774.774.136	7.314.657.606	157.089.431.742
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	16	780

Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởngLê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	-	100%	-	173.199.296.963	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
4	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,95%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
5	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
6	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
7	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ (ii)	64,96%	68,21%	107.424.820.000	107.424.820.000	-	-
8	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
9	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
10	Công ty CP Dệt May Huế (ii)	63,90%	65,54%	63.898.240.000	32.768.330.000	-	-
11	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội (i)	-	57,57%	-	118.026.000.000	-	-
12	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
13	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
15	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh (i)	-	68,86%	-	37.200.000.000	-	33.000.000.000
16	Tổng Công ty CP Phong Phú	51,00%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
17	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	100%	-	462.017.209.402	-	-	-
18	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (iii)	100%	-	202.568.027.281	-	-	-

- (i) Trong năm, các công ty con này đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển nhượng cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex dưới hình thức góp vốn. Các công ty con này, do đó, chuyển thành các công ty con cấp 2 của Tập đoàn.
- (ii) Trong năm, các công ty con này đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty con này.
- (iii) Đây là các công ty con mới thành lập trong năm.



**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ</b>									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ (i)	49,94%	52,44%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	20,88%	21,92%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
3	Công ty May Hòa Thọ - Hội An (i)	35,19%	36,95%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	4.063.500.000	-	-
4	Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên (i)	53,09%	40,51%	81,73%	59,40%	8.173.000.000	2.673.000.000	-	-
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ (ii)	64,96%	-	100%	-	2.000.000.000	-	-	-
6	Công ty CP May Hiệp Đức (iii)	44,50%	25,24%	68,50%	37,00%	13.700.000.000	3.700.000.000	-	-
7	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình (i)	35,22%	36,55%	51,00%	53,59%	26.520.000.000	1.550.000.000	5.200.000.000	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định</b>									
8	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
9	Công ty CP Chân Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
10	Công ty CP May IV Dệt Nam Định (iv)	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	2.673.000.000	-	-
11	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
12	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
13	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
14	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-



**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam</b>									
15	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
16	Công ty CP Bông Vải Miền Trung (v)	42,91%	43,26%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
17	Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
<b>Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex</b>									
18	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
19	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
20	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà (vi)	51,00%	40,80%	100,00%	80,00%	30.000.000.000	24.000.000.000	-	-
21	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>									
22	Công ty CP Dệt Đông Nam	31,10%	31,10%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
23	Công ty CP Dệt May Nha Trang (vii)	26,50%	37,53%	51,97%	73,59%	96.143.750.000	136.143.750.000	-	-
24	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú (vii)	18,17%	25,73%	35,63%	50,46%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
25	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà	30,98%	30,98%	60,74%	60,74%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
26	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (viii)	-	31,48%	-	55,00%	-	6.157.203.600	-	1.854.000.000
27	Công ty May mặc Gia Phú (viii)	-	26,01%	-	51,00%	-	10.200.000.000	-	-
28	Công ty TNHH Linen Supply	30,60%	-	60,00%	60,00%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-
29	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú (iii)	36,21%	-	71%	-	63.900.000.000	-	-	-

## ***Phụ lục 2***

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại công ty mẹ trực tiếp của các công ty này là Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ giảm.
- (ii) Đây là công ty con mới thành lập trong năm.
- (iii) Đây là các công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước và được chuyển thành công ty con trong năm.
- (iv) Trong năm, Công ty CP May IV Dệt Nam Định phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với Công ty.
- (v) Trong năm, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dệt May Huế giảm, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với Công ty Cổ phần Bông Vải Miền Trung.
- (vi) Trong năm, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex với Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà tăng, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với Công ty.
- (vii) Trong năm, Tổng Công ty CP Phong Phú đã thanh lý một phần của khoản đầu tư vào Công ty CP Dệt May Nha Trang cho các cổ đông không kiểm soát, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP Dệt May Nha Trang và công ty con của công ty này là Công ty CP Đầu tư Khánh Phú.
- (viii) Đây là các công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong năm.

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty con của Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3</b>									
1	Công ty CP Dệt kim Vinatex	83,46%	83,46%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000
2	Công ty CP Vinatex Quốc tế (i)	-	65,47%	-	65,47%	-	45.500.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>									
3	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
4	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
5	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
6	Công ty CP May Halotexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
7	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
8	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
10	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam	30,65%	30,65%	100%	100%	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-

- (i) Trong năm, Công ty CP Vinatex Quốc tế đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn và Công ty CP Vinatex Quốc tế chuyển thành công ty liên kết trong năm.

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	36,79%	36,79%	22.740.680.000	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	9.450.000.000	9.000.000.000
5	Công ty CP May Phương Đông (i)	-	25,50%	-	9.180.000.000
6	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	27.508.330.000	27.508.330.000
7	Công ty CP May Đồng Nai	25,65%	25,65%	15.331.680.000	15.331.680.000
8	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
9	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
10	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng (ii)	30,00%	30,00%	9.000.000.000	6.000.000.000
11	Công ty CP May Đáp Cầu (ii)	24,04%	24,04%	12.621.000.000	10.818.000.000
12	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
13	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
14	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
15	Tổng Công ty CP May Việt Tiến (iii)	31,92%	47,88%	134.059.200.000	134.059.200.000
16	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
17	Tổng Công ty May 10 – CTCP	35,51%	35,51%	63.921.240.000	35.511.800.000
18	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
19	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
20	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinatex (i)	-	44,16%	-	7.918.626.154
21	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2016	1/1/2016	31/12/2016	1/1/2016
<b>Công ty liên kết của Công ty cổ phần Vinatex Quốc tế</b>					
22	Công ty TNHH Dệt May Vinatex Quốc Tế Toms (i)	-	23,97%	-	27.677.160.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định</b>					
23	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000
24	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	49,92%	49,92%	31.100.000.000	31.100.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>					
25	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài</b>					
26	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,89%	31,89%	24.000.000.000	24.000.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</b>					
27	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh (iv)	17,69%	18,57%	8.500.000.000	8.500.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>					
28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	18,18%	106.691.335.644	106.691.335.644
29	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú	13,73%	13,73%	50.000.000.000	50.000.000.000
30	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,97%	10,97%	10.000.000.000	10.000.000.000
31	Công ty CP May Đà Lạt	20,40%	20,40%	4.231.000.000	4.231.000.000
32	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	17,85%	17,85%	3.500.000.000	3.500.000.000
33	Công ty CP phát triển Nhà và Đầu tư Đô thị Phú Quốc (i)	-	13,56%	-	17.700.000.000
34	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	24,30%	144.586.200.608	144.586.200.608
35	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lãng Cô	19,59%	19,59%	7.299.000.000	7.299.000.000
36	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú (v)	24,22%	-	8.011.203.600	-
37	Công ty CP may Gia Phúc (v)	12,75%	-	5.000.000.000	-
38	Công ty CP đầu tư Phong Vân (vii)	24,40%	-	18.994.120.000	-



#### **Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Đây là các công ty liên kết được thanh lý trong năm.
- (ii) Trong năm, các công ty liên kết này đã phát hành thêm cổ phiếu cho Tập đoàn và các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ nhưng không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty này.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty CP May Việt Tiến đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn.
- (iv) Trong năm, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam giảm, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh.
- (v) Đây là các công ty liên kết được chuyển từ các công ty con trong năm
- (vi) Đây là công ty liên kết mới trong năm.

